

GIÁO ÁN CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

CHƯƠNG 1 PHẦN MỞ ĐẦU

I. Văn hóa

- Năm 1871, Edward B Tylov định nghĩa: “Văn hóa là tổng thể bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, tập quán cũng như tất cả các khả năng và thói quen khác mà con người có được với tư cách là thành viên của xã hội”.

- James Peoples và Garric Bailey cho rằng:

+ Văn hóa là cách sống của các nhóm người.

+ Văn hóa là những kiểu thức ứng xử và tri thức, được chuyển tải có tính xã hội, được chia rẽ bởi những nhóm người.

II. Tộc người/ dân tộc

- Tộc người là một tập đoàn người ổn định (hoặc tương đối ổn định) được hình thành trong lịch sử, dựa trên những mối liên hệ chung về ngôn ngữ, sinh hoạt văn hóa và ý thức tự giác tộc người - thể hiện bằng một tộc danh chung.

- Có 3 tiêu chí để phân biệt tộc người:

+ Ngôn ngữ

+ Sinh hoạt văn hóa

+ Ý thức tự giác

⇒ Tiêu chí nào quan trọng nhất? Vì sao?

CHƯƠNG 2

VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

I. Phân theo ngôn ngữ / ngữ hệ

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người.

Tiêu chí phân loại tộc người:

- Phân loại theo nguồn gốc lịch sử của các tộc người.

- Phân loại theo vùng cư trú của các tộc người.

* Ngữ hệ (phân loại theo nguồn gốc lịch sử của tộc người)

- Những nhóm ngôn ngữ có những yếu tố khác nhau vì cùng chung một nguồn gốc và những yếu tố đó có ở các ngôn ngữ khác ngoài ngữ hệ.

- Có 5 ngữ hệ chính:

1. Ngữ hệ Nam Á

- Nhóm ngôn ngữ Việt Mường (4 ngôn ngữ): Việt, Mường, Thổ, Chứt.

- Nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer (21 ngôn ngữ)

- Nhóm ngôn ngữ hỗn hợp (4 ngôn ngữ): La Chí, La Ha, Cơ Lau, Pu Páo.

1.1. Nhóm ngôn ngữ Việt Mường

a. Người Việt

b. Người Mường

- Chủ yếu sống ở Hòa Bình, dân số khoảng trên 1000 người.

- Người phụ nữ lớn tuổi thường đội khăn trắng là để chứng tỏ người ấy đã hết khả năng sinh đẻ (sạch sẽ). Người phụ nữ mặc yếm, váy, trên váy có cạp váy (được thêu bông hoa rất đẹp), dưới cạp váy có ruột tượng không bao giờ rời ra khỏi thân người để cất giữ những đồ quý hiếm.

- Người phụ nữ còn trẻ thường mặc yếm đỏ.

- Y phục của người phụ nữ Mường nhìn chung khác với y phục của người phụ nữ Việt ngày xưa.

c. Người Thổ

- Đội khăn trắng, mặc áo lá bên trong, mặc váy ngắn hơn. Áo bên ngoài khác với chiếc áo tứ thân của người phụ nữ Việt Bắc Bộ.

d. Người Chứt

- Ở vùng rừng núi, hình dáng nhỏ, săn chắc, đời sống gắn liền với rừng núi.

- Đàn ông mặc khố, đàn bà mặc váy.

- Người phụ nữ có con thường ở trần để thuận lợi cho việc nuôi con.

1.2. Nhóm ngôn ngữ Môn (Kháng, Khơ Mú, Xinh Mun, Máng, Ở Đu)

- Môn đồng bằng: ở Việt Nam không có tộc người sử dụng ngôn ngữ Môn sinh sống ở đồng bằng.

- Môn miền núi: chủ yếu tập trung ở khu vực miền núi Tây Bắc như: Khơ Mú (Tây Bắc), Kháng (Tây Bắc), Xinh Mun (Tây Bắc), Máng (Tây Bắc), Ở Đu (Trung Sơn).

a. Người Khor Mú

- Gam màu nổi bật là màu đen.
- Cúc áo của người Khor Mú rất đặc biệt. Ngày trước, người ta làm cúc áo bằng vỏ sò, nhưng nay thì làm bằng bạc hình cánh bướm. Áo chỉ ngang với lưng váy bó sát người, mặc váy. Đàn ông mặc quần khác với người Việt.
- Người Khor Mú trồng trọt theo mô hình quảng canh làm theo mùa vụ.
- Con trai của người Khor Mú khi lấy vợ thì trong thời gian ở rể phải lấy họ vợ nhưng vẫn giữ được totem (tổ tiên) của mình. Khi ở bên nhà mẹ thì con phải lấy họ mẹ, nhưng khi về nhà bố thì con phải lấy họ bố.
- Hôn nhân levirat và sororat còn phổ biến ở người Khor Mú.

b. Người Kháng

- Có chiếc khăn đội đầu rất sắc sảo, là biểu tượng về sự khéo léo của người Việt Nam.
- Là một dân tộc sống ở ven sông, Kháng rất giỏi làm thuyền độc mộc, đuôi cá.
- Thuyền làm không chỉ để dùng mà còn để bán cho người Thái.
- Người Kháng có tục uống bằng mũi.
- Ngày xưa, việc lấy vợ, lấy chồng của người Kháng khá phức tạp.
 - + Nam 15-16 tuổi, nữ 14-15 tuổi đã bắt đầu tìm hiểu nhau, đôi lứa tự do tìm hiểu. Qua 5 đêm, người con trai không cưới sẽ bị phạt 1 chum rượu cần và mổ gà làm cơm mời dân bản đến dự lễ tạ tội.
 - + Người con trai muốn được vợ phải ở rể từ 8 đến 12 năm, phải lao động, làm việc cho nhà gái để trả công cho việc mất lao động ở nhà gái.

c. Xinh Mun: giống như người Khor Mú, Kháng.

d. Máng: có trang phục giống người Khor Mú. Áo bó sát ngang vai. Mặc váy. Người Máng còn khoác thêm một tấm vải phía ngoài. Vì người Máng sống gần suối nên họ khoác thêm tấm vải ở ngoài để cho an toàn khi xuống tắm.

e. Ô Đu: Áo giống người Việt. Mặc váy, các hoa văn đều thể hiện ở trên váy.

Người Ô Đu tính lịch thời gian theo trăng (âm lịch), theo trời (dương lịch). Họ tính tuổi theo tiếng sấm. Khi nghe tiếng sấm bắt đầu thì họ tính đầu năm. Khi nghe tiếng sấm nổ thì họ tính được 1 tuổi. Họ gạch một tuổi của một người trong gia đình ở cột nhà. Người chết tắt thở nhưng người Ô Đu không coi người ấy đã chết. Đến khi nghe tiếng sấm nổ thì họ mới coi người chết ấy đã chết.

=> Đa phần các dân tộc trong nhóm Môn đều sống ở vùng cao, nhiều nương rẫy, năng suất thấp, đời sống khó khăn. Các tín ngưỡng tôn giáo phụ thuộc vào tự nhiên (thần Mưa, thần Sấm, thần Nông, thần Núi...). Vì vậy, họ cũng thờ chủ yếu là các thần gắn với tự nhiên. Thần nước được họ rất kính trọng.

1.3. Nhóm ngôn ngữ Khmer

*** Khmer đồng bằng**

- Dân số hơn 1 triệu người ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh).
- Người Khmer phần lớn đều theo Phật giáo tiểu thừa nên không ăn chay.

- Con rắn được người Khmer rất coi trọng vì họ xem nó là biểu tượng của sự may mắn.

- Họ có lễ hội đua thuyền rất đặc sắc, thuyền gọi là ghe ngo hình con rắn.

- Kinh tế lúa nước, có nhiều kinh nghiệm trong lao động. Sử dụng cày sức kéo của trâu, bò. Năng suất lúa của người Khmer không bằng người Việt là vì họ nghĩ rằng lúa cũng có linh hồn.

- Chăn nuôi không phát triển như người Việt.

- Họ của người Khmer nhiều nhất là họ Thạch, Kim, Sơn, Lí, Thị...

- Phum: cư trú theo phía mẹ -> nhiều phum tạo thành srok.

- Các ngày lễ lớn: Chol chnam thmay, ngày Tết của Khmer (ngày 13, 14, 15 tháng 4 dương lịch), Đonta (tháng 8 âm lịch)...

- Sinh hoạt cộng đồng: múa lâm thôn, hát dù kê, đua ghe ngo, đua bò (Bây Núi)...

*** Khmer miền núi: có 15 tộc người.**

a. Người Bana: Một số lễ nổi bật như lễ cắt rốn, lễ thổi tai...

b. Người Brâu: Áo được làm từ vỏ cây. Có tục cà răng: nam, nữ đến 15-16 tuổi đều phải cưa 4 răng cửa hàm trên và thường xăm mặt, xăm mình.

c. Người Bru - Vân Kiều: Giống người Ở Đu về y phục. Váy áo nhiều hoa văn rất đẹp và tinh tế. Họ thích đeo vòng để làm trang sức.

d. Người Co: Áo chui đầu, cụt tay, váy dài hoa văn có hai đường viền làm nổi bật chiếc váy lên. Đầu có vấn một chiếc vải nhỏ. Họ thường đội các đồ vật trên đầu. Thầy cúng người Co rất quan trọng trong cộng đồng người Co.

e. Người Cơ Ho: Thích thổi tù và (bằng sừng trâu); mặc khố rất sặc sỡ, tà trước ngắn hơn tà sau, khố dài qua gối; mái nhà hình mu rùa...

g. Người Mnông: Có tục thuần dưỡng voi rất mạnh. Phụ nữ mặc váy và áo chui đầu. Có tập quán là khi có khách, họ cho người con gái ra tiếp khách giữ lửa cho khách.

h. Người Rơ măm: Ngày xưa đàn ông đóng khố cởi trần, còn ngày nay họ mặc chiếc áo đơn giản. Họ dệt vải rất đẹp. Có lễ hội đâm trâu...

k. Người Tà Ôi: Phụ nữ cũng hút thuốc. Học chải tóc hình con rùa, họ dùng sáp ong để tạo dáng cho tóc. Họ thích đeo vòng nhiều màu sắc.

l. Người Xơ Đăng: Mặc váy, áo chui đầu màu nhã chứ không sặc sỡ như người dân tộc ở miền Bắc. Họ đeo rất nhiều vòng.

m. Người Xtiêng: Họ có một dụng cụ gọi là “Chà gạt” để làm thước đo đi đường, chà gạt còn để đốn, chặt. Phụ nữ Xtiêng đeo hoa tai bằng ngà voi. Họ rất tin vào thần linh. Hiện nay, người Xtiêng theo đạo Tin Lành rất nhiều.

n. Ngoài ra còn có các dân tộc: Chơ Ro, Giê-Triêng, Hrê, Mạ, Cơ Tu

2. Ngữ hệ Hán - Tạng

2.1. Nhóm Hán (Hoa, Ngái, Sán Dìu)

a. Người Hoa

- Tộc danh: Triều Châu, Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam, Tà, Hẹ, Khách Hán.

- Sống ở TP HCM, Hà Nội, An Giang, Hải Phòng, Sóc Trăng, Trà Vinh...

- Có 5 nhóm người Hoa: Quảng Đông, Triều Châu, Hakka (Hẹ), Phúc Kiến, Hải Nam.

- Hoạt động kinh tế: rất đa dạng và rất thành đạt. Thế mạnh nhất của họ là buôn bán.
- Bang hội của người Hoa:
 - + Năm 1787, có 4 bang được thành lập: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam (và sau này thêm Họ).
 - + Mỗi bang do băng trưởng điều khiển, có một phó bang phụ tá, cả 2 được chỉ định bởi các thành viên của bang, được chính quyền chuẩn y chức vụ này.
 - + Người lãnh đạo không lãnh tiền thù lao, song phải chịu trách nhiệm về việc đóng thuế của những thành viên trong bang nên người lãnh đạo vừa là thu ngân, vừa là kế toán, quan tòa hóa giải... Ông có quyền lực chủ đạo.
- Thờ cúng trong gia đình: Thờ cúng tổ tiên; Thổ Địa; Ông Táo; Thần Giữ Cửa; Thần Tài; Thần Nghề...
- Thờ cúng nơi công cộng: Bà Thiên Hậu, Quan Công Xích Đế, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật Bà Quan Thế Âm...

b. Người Sán Dìu

- Y phục của người Sán Dìu rất đặc sắc: khăn đội, đầu chỉ che phần tóc (người phụ nữ trẻ), áo lót trong màu trắng, áo khoác bên ngoài, vạt áo thả ra chứ không buộc lại như áo tứ thân, mặc quần, dây thắt lưng, vòng cổ.

c. Người Ngái

- Áo tay dài, khuy áo cài bên phải (ở phụ nữ).
- Áo của người Ngái ở phần trên rất giống chiếc áo dài của người Việt.
- Phụ nữ thường dùng cái hái để làm công cụ lao động chủ yếu. Hái dùng để gặt lúa mùa.
- Nhà có mái che bằng ngói, tường đất.

2.2. Nhóm Tạng Miên (Hà Nhì, La Hủ, Cống, Si La, Lô Lô, Phù Lá)

a. Hà Nhì: Có chiếc nón giống chiếc nón lá của người Việt nhưng chiếc nón ấy bám vào tóc của người phụ nữ. Trang phục nhiều màu sắc. Ở nhà sàn, mái lợp bằng tranh. Trồng bông rất phát triển, dùng để dệt vải...

b. La Hủ: Y phục rất sặc sỡ (mặc quần).

c. Phù Lá: Áo phụ nữ cài một bên, tay dài, mặc quần. Phương tiện di chuyển là lừa, la.

d. Lô Lô: Trang phục rất sặc sỡ, nhiều gam màu nhưng chủ yếu là màu đỏ.

e. Cống: Có chiếc nón rất nặng (-> thích nghi với môi trường hay có mưa đá). Y phục của phụ nữ hiện đại gồm: áo trong tay dài hơn áo ngoài, mặc váy. Người Cống thường nấu ăn, cơm đựng trong các ống tre.

g. Si La: Nổi tiếng nhất là cách búi tóc, không có dân tộc nào búi được như vậy.

3. Ngũ hệ Nam Đảo

Gồm các tộc người: Gia Rai, Ê Đê, Chăm, Raglai, Chu Ru

a. Người Ê Đê

- Ở nhà dài.
- Gia đình theo chế độ mẫu hệ.

- Trang phục: phụ nữ mặc váy, áo chui đầu, dài tay. Con trai đóng khố, áo cổ chui.
Màu chủ đạo là đen và đỏ.

- Uống rượu cần khi tiếp khách, đặc biệt là các ngày lễ hội, tết.
- Có tục thuần dưỡng voi, nhất là voi ở Buôn Đôn rất nổi tiếng.
- Lễ bỏ mã.
- Con trâu là vật hiến tế lớn nhất.
- Làng gọi là buôn, trong buôn có quan hệ huyết thống.
- Mùa hoa cúc của người Ê Đê là mùa của sự vui tươi, lễ hội, mùa chuyển năm.
- Cồng chiêng rất gần gũi trong đời sống của người Ê Đê...

b. Người Chu Ru

- Làm ruộng nước, mỗi năm một vụ.
- Phụ nữ mặc váy.
- Họ biết làm nhẵn, làm gôm.

c. Người Chăm

- Mặc váy, áo khác với áo dài của người Việt nhưng không xẻ tà.
- Người Chăm vùng An Giang có khăn trùm đầu.
- Kinh tế nông nghiệp lúa nước rất phát triển, có hệ thống thủy lợi phát triển từ lâu đời.
- Giỏi về buôn bán, vải vóc là thế mạnh.
- Tôn giáo: Dù chỉ có 100.000 người nhưng dân tộc Chăm có 3 tôn giáo: Bà La Môn (có các nhà thờ, thánh điện rất đẹp, thờ Linga, Yony, không ăn thịt bò...), Bà Ni, Islan (kiêng ăn thịt heo, thờ thánh Ala, người đàn ông Islan có 4 vợ...).
- Người Chăm khác tôn giáo không được kết hôn với nhau.
- Trống Baranung là loại văn nghệ đặc trưng của người Chăm.
- Họ thường ăn thịt dê...

4. Ngũ hệ Thái - KaDai

a. Người Thái

- Có lễ cầu mưa.
- Có nhiều họ, họ đông nhất là họ Hà (gốc).

b. Người Cơ Lau (Hà Giang)

- Thần Đất quan trọng nhất, tiếp theo là thần Mưa.
- Thời tiết vùng này quanh năm khô hạn.
- Chủ yếu gieo trồng trên rẫy (trồng ngô chủ yếu), làm ruộng bậc thang, ngoài ra còn trồng khoai, bí.
- Nghề thủ công: đan lát, làm gỗ.
- Ở nhà trệt, 3 gian, 2 chái.

c. Người Lự (Tây Bắc)

- Có khoảng 5.000 người.
- Bản thường nằm trên các vùng đất bằng phẳng có nguồn nước.

- Ở nhà sàn, 2 mái, mái phía trước dài hơn để che chắn gió.
- Họ còn giữ tục nhuộm răng đen.
- Lá dâu non được làm thức ăn trong các bữa cơm.
- Quần áo cầu kì, nhiều lớp vải trang trí hoa văn đặc sắc. Đàn ông mặc trang phục đơn giản hơn.
- Trai gái tự do trong hôn nhân. Họ có tập tục gửi rể.
- Cá lả thức ăn quan trọng trong bữa ăn của họ.
- Theo đạo Phật. Sau khi chết, thi thể người chết được đưa vào chùa...

5. Ngũ hệ Hmông - Dao

a. Người Hmông

- Xã hội phụ quyền.
- Họ uống máu ăn thề (máu gà).
- Trong chăn nuôi, họ không cho phép thả rong động vật.
- Canh tác đất theo mô hình luân canh.
- Có tục cướp vợ.

b. Người Dao

- Lúa rẫy, lúa nước (ruộng bậc thang).
- Kinh tế người Dao phát triển hơn kinh tế người Hmông.
- Thủ công nghiệp: dệt vải, đan lát, rèn, làm giấy, chạm khắc bạc, làm thuốc Nam...
- Gia đình nhỏ phụ hệ.
- Thường ăn cơm nếp và làm nhiều thức ăn từ nếp...

c. Người Pa Thên

- Từ miền Quý Lâm (Quảng Tây - Trung Quốc) vào Việt Nam được 200 - 300 năm.
- Họ gần người Hmông, tự nhận người Hmông là anh cả, mình là anh hai.
- Là tộc người độc nhất còn lưu được một dạng tiền văn tự rất quý hiếm.
- Thường sử dụng màu đỏ trong y phục.

HẾT